

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**

*Hà Nội - Tháng 7 năm 2009*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 22

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 đã được soát xét.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại số B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn - Cầu Giấy - Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EBS

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
	Ông Chu Công Uẩn	Ủy viên
	Ông Hà Sỹ Tuyên	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên
	Ông Bùi Vũ Hùng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Chu Công Uẩn	Giám đốc
	Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
	Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc

**SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Chương 6 - Công bố thông tin, Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

---

**Chu Công Uẩn**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2009*

Số. /2009/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009, được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 04 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV

---

**Phan Thanh Nam**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**  
**Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited.**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>68.248.733.162</b>	<b>54.429.857.308</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.232.518.185</b>	<b>13.657.320.404</b>
1. Tiền	111	5.1	5.232.518.185	13.657.320.404
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.082.306.620</b>	<b>18.495.361.502</b>
1. Phải thu khách hàng	131		31.487.989.533	18.165.816.187
2. Trả trước cho người bán	132		100.539.560	93.122.848
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	5.937.250	748.582.190
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(512.159.723)	(512.159.723)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>31.233.620.520</b>	<b>21.391.594.929</b>
1. Hàng tồn kho	141		31.264.208.071	21.422.182.480
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(30.587.551)	(30.587.551)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>700.287.837</b>	<b>885.580.473</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	603.683.537	669.640.992
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		5.000.000	12.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		91.604.300	203.939.481
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>30.758.790.244</b>	<b>35.690.542.929</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.899.750.598</b>	<b>14.801.828.167</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	14.868.907.268	14.765.704.837
- Nguyên giá	222		16.620.790.814	16.169.784.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.751.883.546)	(1.404.079.825)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	30.843.330	36.123.330
- Nguyên giá	228		62.800.000	62.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.956.670)	(26.676.670)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.843.700.000</b>	<b>5.093.700.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	5.093.700.000	5.093.700.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	750.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.015.339.646</b>	<b>15.795.014.762</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	10.010.339.646	15.751.514.762
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.000.000	43.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>99.007.523.406</b>	<b>90.120.400.237</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI****Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009****Mẫu B 01a-DN****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009**

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>40.447.402.396</b>	<b>28.224.395.487</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.307.423.217</b>	<b>27.686.001.397</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	3.814.522.170	-
2. Phải trả người bán	312		33.819.802.778	25.481.386.477
3. Người mua trả tiền trước	313		105.508.858	215.703.541
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.051.354.561	253.678.268
5. Phải trả người lao động	315		190.591.800	-
6. Chi phí phải trả	316	5.11	1.022.217.499	1.506.664.678
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	303.425.551	228.568.433
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>139.979.179</b>	<b>538.394.090</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	398.414.911
3. Phải trả dài hạn khác	333		46.000.000	46.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		93.979.179	93.979.179
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>58.560.121.010</b>	<b>61.896.004.750</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13	<b>58.802.455.476</b>	<b>61.896.004.750</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		51.097.420.000	51.097.420.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.778.425.126	2.778.425.126
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		686.023.174	1.838.244.818
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		407.126.251	649.334.943
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.833.460.925	5.532.579.863
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(242.334.466)</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		(242.334.466)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>99.007.523.406</b>	<b>90.120.400.237</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2009

Người lập biểu

Phó phòng kế toán

Giám đốc

Phạm Thị Thanh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Chu Công Uẩn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI****Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**

Mẫu B 02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009**

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	46.675.555.459	29.626.507.941
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	249.939.992	331.761.252
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	46.425.615.467	29.294.746.689
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	34.153.149.707	22.835.948.061
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>12.272.465.760</b>	<b>6.458.798.628</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	420.331.751	77.297.841
7. Chi phí tài chính	22	5.18	68.865.027	643.775.690
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>43.949.543</i>	<i>643.775.690</i>
8. Chi phí bán hàng	24		4.216.136.869	2.759.921.174
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.458.429.341	1.799.272.674
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>5.949.366.274</b>	<b>1.333.126.931</b>
11. Thu nhập khác	31		1.588.784	13.443.719
12. Chi phí khác	32		1.024.328	2.869.755
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>564.456</b>	<b>10.573.964</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.949.930.730</b>	<b>1.343.700.895</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	1.033.904.573	188.118.125
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4.916.026.157</b>	<b>1.155.582.770</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	962,09	322,31

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2009

Người lập biểu

Phó phòng kế toán

Giám đốc

Phạm Thị Thanh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Chu Công Uẩn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, c.cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	23.322.701.103	19.272.019.647
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(23.993.546.496)	(21.006.984.420)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.015.486.415)	(2.806.116.759)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(43.949.543)	(213.245.690)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(106.998.938)	(466.370.114)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	453.316.304	335.373.503
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.664.534.702)	(1.078.133.603)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.048.498.687)</b>	<b>(5.963.457.436)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(474.659.874)	(2.793.507.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.571.692.375)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.083.924.021	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	136.425.026	77.297.841
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(826.003.202)</b>	<b>(2.716.209.159)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	25.548.710.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.814.522.170	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(17.453.176.384)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.364.822.500)	(5.109.742.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.550.300.330)</b>	<b>2.985.791.616</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(8.424.802.219)</b>	<b>(5.693.874.979)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.657.320.404	8.757.702.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.232.518.185</b>	<b>3.063.827.547</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2009

Người lập biểu

Phó phòng kế toán

Giám đốc

Phạm Thị Thanh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Chu Công Uẩn

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**

**MẪU B 09A-DN**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại số B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn - Cầu Giấy - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2009 là: 51.097.420.000 đồng (Năm mươi một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn). Tương đương với 5.109.742 cổ phần.

Số lao động bình quân: 63 người.

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004437 ngày 24 tháng 05 năm 2004 thay đổi lần thứ 03 ngày 01 tháng 10 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: kinh doanh sách giáo dục, sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm...

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

#### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

6 tháng 2009 (số năm)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình bao gồm Bản quyền sách, phần mềm kế toán, bán hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao là chi phí bản thảo, được phân bổ theo thời gian thảo bản thảo, thông thường là 03 năm, theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí thưởng doanh số và hoa hồng môi giới, chi phí bản thảo và phí phát hành.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần (nếu có) được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Nhà xuất bản Giáo dục, các Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách giáo dục và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI****Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009****MẪU B 09A-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	543.614.100	418.106.994
Tiền gửi ngân hàng	4.688.904.085	13.239.213.410
<b>Tổng</b>	<b>5.232.518.185</b>	<b>13.657.320.404</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác	5.937.250	748.582.190
<i>Tạm ứng tiền lương</i>	-	537.215.315
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi chi trước</i>	-	196.315.111
<i>Bảo hiểm xã hội, y tế nộp thừa</i>	-	2.571.118
<i>Phải thu khác</i>	5.937.250	12.480.646
<b>Tổng</b>	<b>5.937.250</b>	<b>748.582.190</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.915.592.593	1.547.242.404
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	925.830.164	180.036.992
Thành phẩm	18.157.826.551	12.968.305.605
Hàng hoá	7.188.401.630	4.345.481.987
Hàng gửi đi bán	3.076.557.133	2.381.115.492
<b>Tổng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>31.264.208.071</b>	<b>21.422.182.480</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<b>(30.587.551)</b>	<b>(30.587.551)</b>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>31.233.620.520</b>	<b>21.391.594.929</b>

**5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuê văn phòng, kho, cửa hàng	339.042.545	405.000.000
Thuế GTGT không được khấu trừ	264.640.992	264.640.992
<b>Tổng</b>	<b>603.683.537</b>	<b>669.640.992</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

MẪU B 09A-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.5 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2009	13.482.599.728	136.161.221	2.192.894.938	358.128.775	16.169.784.662
Tăng trong kỳ	-	-	429.294.334	21.711.818	451.006.152
Mua trong kỳ	-	-	429.294.334	21.711.818	451.006.152
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2009	<u>13.482.599.728</u>	<u>136.161.221</u>	<u>2.622.189.272</u>	<u>379.840.593</u>	<u>16.620.790.814</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2009	263.727.115	102.127.826	802.221.584	236.003.300	1.404.079.825
Tăng trong kỳ	134.825.997	10.865.562	173.327.941	28.784.221	347.803.721
Khấu hao trong kỳ	134.825.997	10.865.562	173.327.941	28.784.221	347.803.721
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2009	<u>398.553.112</u>	<u>112.993.388</u>	<u>975.549.525</u>	<u>264.787.521</u>	<u>1.751.883.546</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 30/06/2009	<u>13.084.046.616</u>	<u>23.167.833</u>	<u>1.646.639.747</u>	<u>115.053.072</u>	<u>14.868.907.268</u>
Tại 01/01/2009	<u>13.218.872.613</u>	<u>34.033.395</u>	<u>1.390.673.354</u>	<u>122.125.475</u>	<u>14.765.704.837</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2009 là 363.932.344 đồng.

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2009	20.000.000	42.800.000	62.800.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2009	<u>20.000.000</u>	<u>42.800.000</u>	<u>62.800.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2009	7.883.333	18.793.337	26.676.670
Tăng trong kỳ	1.000.000	4.280.000	5.280.000
Khấu hao trong kỳ	1.000.000	4.280.000	5.280.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2009	<u>8.883.333</u>	<u>23.073.337</u>	<u>31.956.670</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 30/6/2009	<u>11.116.667</u>	<u>19.726.663</u>	<u>30.843.330</u>
Tại 01/01/2009	<u>12.116.667</u>	<u>24.006.663</u>	<u>36.123.330</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI****Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009****MẪU B 09A-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.7 Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	5.093.700.000	5.093.700.000
<i>Công ty Cổ phần Sách thiết bị và Thương mại dịch vụ Hải Phòng (i)</i>	<i>3.660.000.000</i>	<i>3.660.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần in Hà Tây (ii)</i>	<i>1.433.700.000</i>	<i>1.433.700.000</i>
Đầu tư dài hạn khác	750.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục</i>	<i>750.000.000</i>	-
<b>Tổng</b>	<b>5.843.700.000</b>	<b>5.093.700.000</b>

(i) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách thiết bị và Thương mại dịch vụ Hải Phòng nhằm xây dựng và kinh doanh siêu thị sách tại Thành phố Hải Phòng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 40%. Dự án vẫn đang trong quá trình đầu tư.

(ii) Góp vốn vào Công ty Cổ phần in Hà Tây với tỷ lệ nắm giữ 20,25% vốn điều lệ.

(iii) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục, tỷ lệ nắm giữ 5% vốn điều lệ.

**5.8 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bản thảo	10.010.339.646	15.751.514.762
	<b>10.010.339.646</b>	<b>15.751.514.762</b>

**5.9 Vay ngắn hạn**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	3.814.522.170	-
<b>Tổng</b>	<b>3.814.522.170</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI****Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009****MẪU B 09A-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	17.449.988	11.241.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.033.904.573	106.998.938
Thuế thu nhập cá nhân	-	135.438.308
<b>Tổng</b>	<b>1.051.354.561</b>	<b>253.678.268</b>

**5.11 Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thưởng doanh số và hoa hồng môi giới	662.401.898	852.206.801
Chi phí bản thảo và phí phát hành	359.815.601	654.457.877
<b>Tổng</b>	<b>1.022.217.499</b>	<b>1.506.664.678</b>

**5.12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	12.255.530
Kinh phí công đoàn	46.387.644	32.744.736
Bảo hiểm xã hội	13.265.594	-
Bảo hiểm y tế	19.838.958	-
Cổ tức phải trả	28.230.000	5.875.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	195.703.355	177.693.167
<b>Tổng</b>	<b>303.425.551</b>	<b>228.568.433</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**

MẪU B 09A-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**a - Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2008</b>	<b>25.548.710.000</b>	<b>1.503.304.779</b>	<b>1.521.366.160</b>	<b>506.256.285</b>	<b>462.521.332</b>	<b>29.542.158.556</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>25.548.710.000</b>	<b>1.275.120.347</b>	<b>316.878.658</b>	<b>347.878.658</b>	<b>7.832.882.133</b>	<b>35.321.469.796</b>
Tăng vốn	25.548.710.000	-	-	-	-	25.548.710.000
Lãi	-	-	-	-	7.832.882.133	7.832.882.133
Tăng khác	-	1.275.120.347	316.878.658	347.878.658	-	1.939.877.663
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>204.800.000</b>	<b>2.762.823.602</b>	<b>2.967.623.602</b>
Trả cổ tức và giảm khác	-	-	-	204.800.000	2.762.823.602	2.967.623.602
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>51.097.420.000</b>	<b>2.778.425.126</b>	<b>1.838.244.818</b>	<b>649.334.943</b>	<b>5.532.579.863</b>	<b>61.896.004.750</b>
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	<b>51.097.420.000</b>	<b>2.778.425.126</b>	<b>1.838.244.818</b>	<b>649.334.943</b>	<b>5.532.579.863</b>	<b>61.896.004.750</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>239.591.308</b>	<b>239.591.308</b>	<b>4.916.026.157</b>	<b>5.395.208.773</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	239.591.308	239.591.308	-	479.182.616
Lãi	-	-	-	-	4.916.026.157	4.916.026.157
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.391.812.952</b>	<b>481.800.000</b>	<b>6.615.145.095</b>	<b>8.488.758.047</b>
Cổ tức năm 2008	-	-	854.597.637	-	5.532.579.863	6.387.177.500
Chuyển nguồn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	537.215.315	-	-	537.215.315
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	958.365.232	958.365.232
Thường Ban điều hành	-	-	-	364.600.000	78.400.000	443.000.000
Các khoản khác	-	-	-	117.200.000	45.800.000	163.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2009</b>	<b>51.097.420.000</b>	<b>2.778.425.126</b>	<b>686.023.174</b>	<b>407.126.251</b>	<b>3.833.460.925</b>	<b>58.802.455.476</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**

MẪU B 09A-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>30/06/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	20.861.000.000	20.861.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	30.236.420.000	30.236.420.000
<b>Tổng</b>	<b>51.097.420.000</b>	<b>51.097.420.000</b>

**5.14 Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	46.675.555.459	29.626.507.941
<b>Tổng</b>	<b>46.675.555.459</b>	<b>29.626.507.941</b>

**5.15 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng bán bị trả lại	249.939.992	331.761.252
<b>Tổng</b>	<b>249.939.992</b>	<b>331.761.252</b>

**5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu thuần sách giáo khoa, sách tham khảo	46.425.615.467	29.294.746.689
<b>Tổng</b>	<b>46.425.615.467</b>	<b>29.294.746.689</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**

MẪU B 09A-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.153.149.707	22.835.948.061
<b>Tổng</b>	<b>34.153.149.707</b>	<b>22.835.948.061</b>

**5.18 Doanh thu hoạt động tài chính thuần**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>420.331.751</b>	<b>77.297.841</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.461.676	77.297.841
Lãi đầu tư cổ phiếu	289.965.475	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	41.904.600	-
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>68.865.027</b>	<b>643.775.690</b>
Lãi tiền vay	43.949.543	643.775.690
Chi phí hoạt động tài chính khác	24.915.484	-
<b>Doanh thu hoạt động tài chính thuần</b>	<b>351.466.724</b>	<b>(566.477.849)</b>

**5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.949.930.730</b>	<b>1.343.700.895</b>
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi cổ tức nhận được)	41.904.600	-
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>5.908.026.130</b>	<b>1.343.700.895</b>
Thuế suất áp dụng	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	1.477.006.533	376.236.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	443.101.960	188.118.126
<b>Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành</b>	<b>1.033.904.573</b>	<b>188.118.125</b>
Chi phí thuế TNDN của các kỳ trước	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.033.904.573</b>	<b>188.118.125</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	4.916.026.157	1.155.582.770
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	4.916.026.157	1.155.582.770
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.109.742	3.585.289
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>962</b>	<b>322</b>

**5.21 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/6/2008 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.657.326.817	45.479.124.470
Chi phí nhân công	25.694.077.250	24.003.742.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	691.647.150	318.768.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.080.913.637	4.015.636.282
Chi phí khác bằng tiền	3.919.096.926	5.474.025.107
<b>Tổng</b>	<b>83.043.061.780</b>	<b>79.291.296.454</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>
Nhà xuất bản Giáo dục	Công ty mẹ	Mua sách, nguyên vật liệu	165.862.819
		Bán sách	182.179.246
NXB Giáo dục tại Hà Nội	Công ty mẹ	Mua thiết bị	309.642.545
		Thuê cửa hàng	852.282.739
		Chi phí bản thảo và mua sách	
NXB Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty mẹ	Chi phí bản thảo và mua sách	87.033.682
		Chi phí tổ chức hội nghị	58.900.000
		Bán sách	2.606.836.100
NXB Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	Công ty mẹ	Chi phí bản thảo và mua sách	117.615.577
		Bán sách	411.385.886
NXB Giáo dục tại Tp. Cần Thơ	Công ty mẹ	Chi phí bản thảo và mua sách	159.202.980
		Bán sách	2.179.492.432
Công ty CP Sách GD tại Tp. Đà Nẵng	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách	6.568.630.486
		Bán sách	
Công ty CP Sách GD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách	4.321.284.912
		Bán sách	
Công ty CP Sách đại học và dạy nghề	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách	491.077.770
Công ty CP Học liệu	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách và học liệu	194.330.320
		Bán sách	
Công ty CP Sách dân tộc	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách	855.465.283
		Bán sách	
Công ty CP Đầu tư phát triển GD Đà Nẵng	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách	1.566.837.222
		Bán sách	
Công ty CP Đầu tư phát triển GD Hà Nội	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách	1.007.844.778
		Bán sách	
Công ty CP Đầu tư phát triển GD Phương Nam	Công ty con của NXB Giáo dục	Mua sách	168.381.460
		Bán sách	

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009**

Mẫu B 09A-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**6.2 Số dư các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung</b>	<b>30/6/2009</b>
NXB Giáo dục tại Hà Nội	Công ty mẹ	Phải trả tiền bán thảo và mua sách	12.727.222.929
NXB Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Công ty mẹ	Phải trả tiền bán thảo và mua sách	3.677.731.367
NXB Giáo dục tại Tp Hồ Chí Minh	Công ty mẹ	Phải trả tiền bán thảo và mua sách	2.518.772.942
Công ty CP Sách GD tại Tp. Đà Nẵng	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	4.855.595.742
Công ty CP Sách GD tại Tp. Hồ Chí Minh	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	-
Công ty CP Sách GD tại Tp. Cần Thơ	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải thu tiền bán sách	
Công ty CP Sách đại học và dạy nghề	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	913.041.678
Công ty CP Học liệu	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	382.636.917
Công ty CP Sách dân tộc	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	772.841.587
Công ty CP Đầu tư phát triển GD Hà Nội	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	854.344.392
Công ty CP Đầu tư phát triển GD Phương Nam	Công ty con của NXB Giáo dục	Phải trả tiền mua sách	245.640.487

**6.3 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) và số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2008.

Người lập biểu

Phó phòng kế toán

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2009  
 Giám đốc

Phạm Thị Thanh

Vũ Thị Minh Nguyệt

Chu Công Uẩn